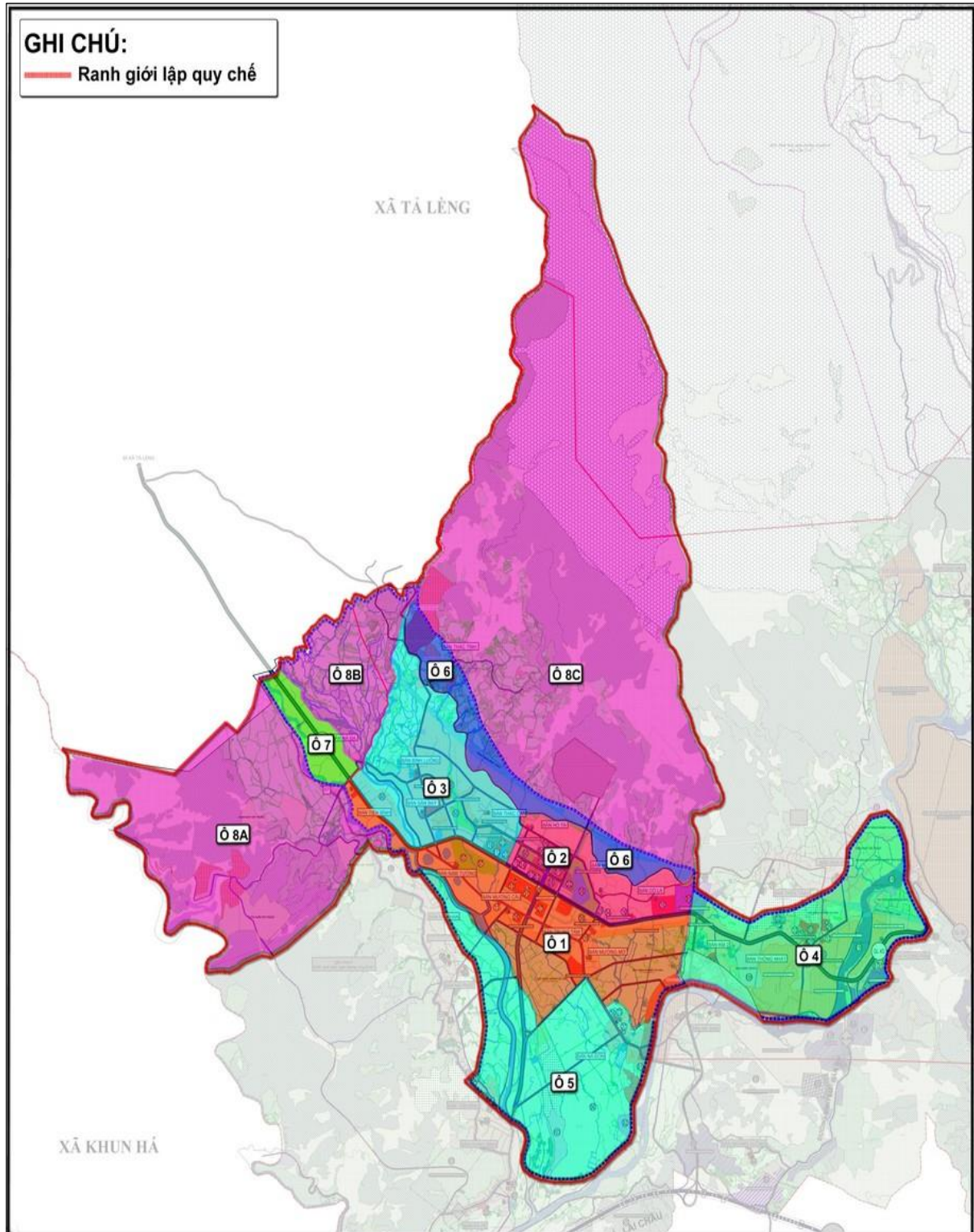
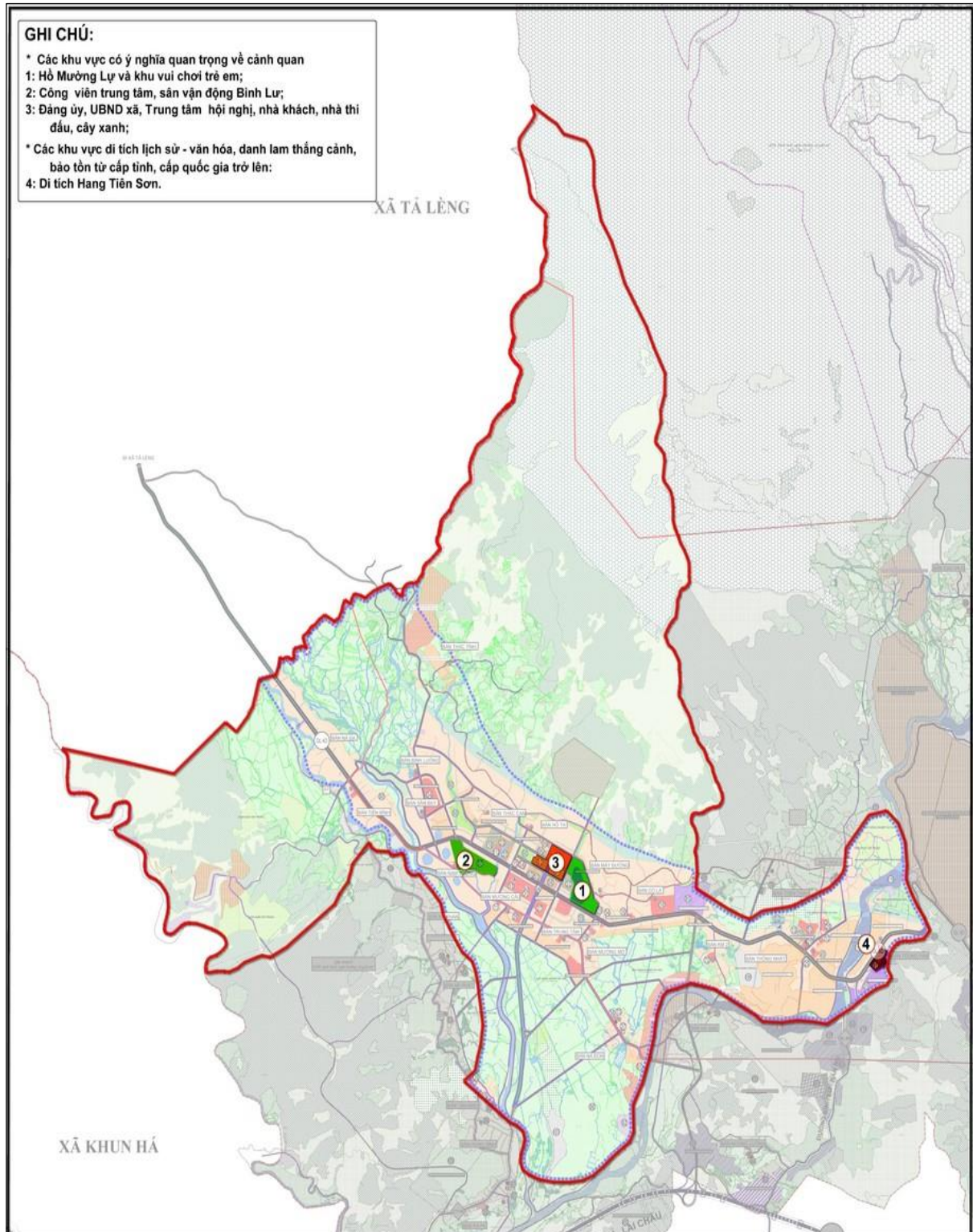


**PHỤ LỤC**

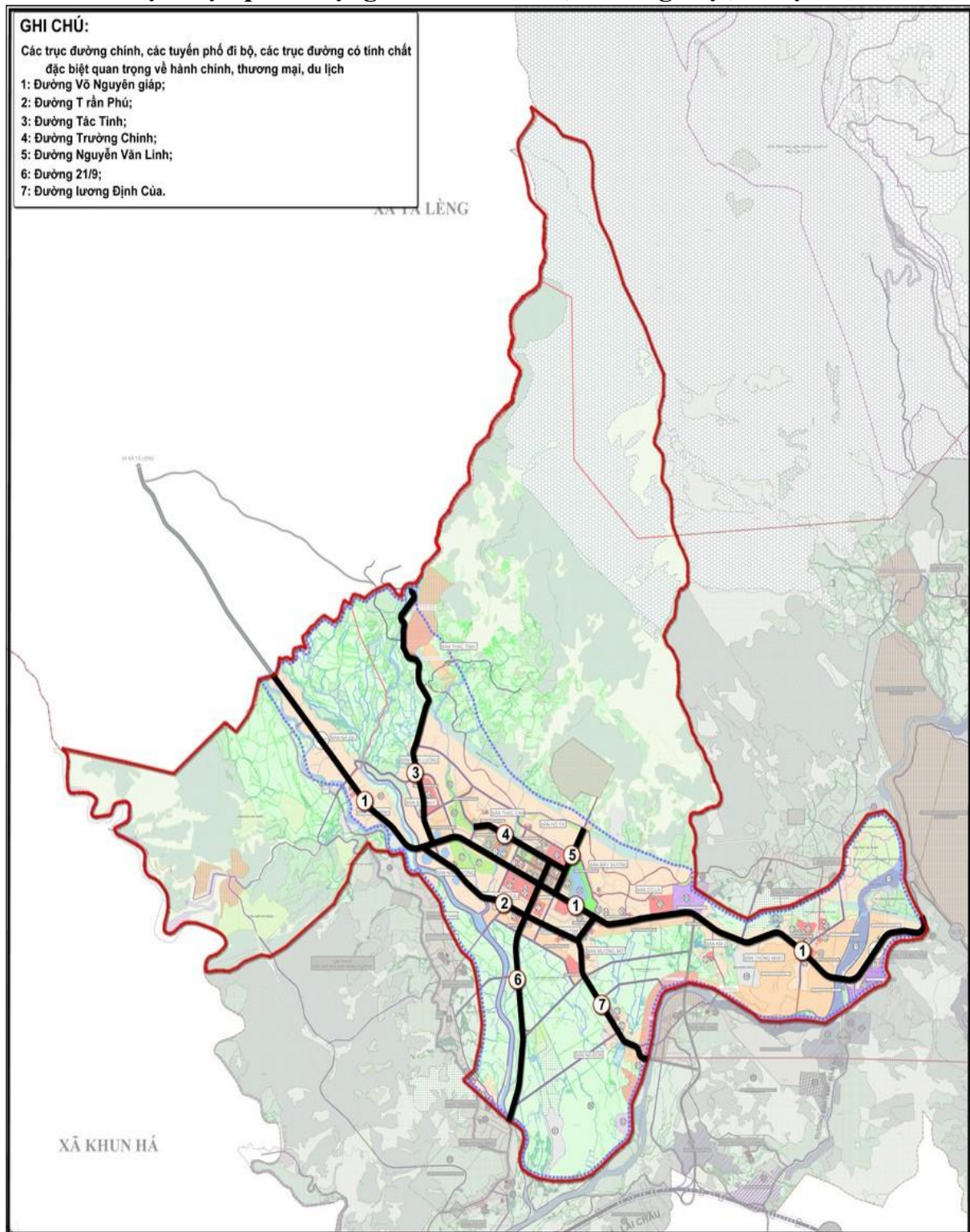
(Kèm theo Quyết định số 94/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

**PHỤ LỤC 1
SƠ ĐỒ, BẢN VẼ, HÌNH MINH HỌA****Phụ lục 1.1. Xác định khu vực lập quy chế theo quy hoạch chung được duyệt**

Phụ lục 1.2. Các khu vực có ý nghĩa quan trọng về cảnh quan; Các khu trung tâm công cộng; các khu vực xung quanh đầu mối giao thông công cộng.



Phụ lục 1.3. Các trục đường chính, các tuyến phố đi bộ, các trục đường có tính chất đặc biệt quan trọng về hành chính, thương mại, du lịch



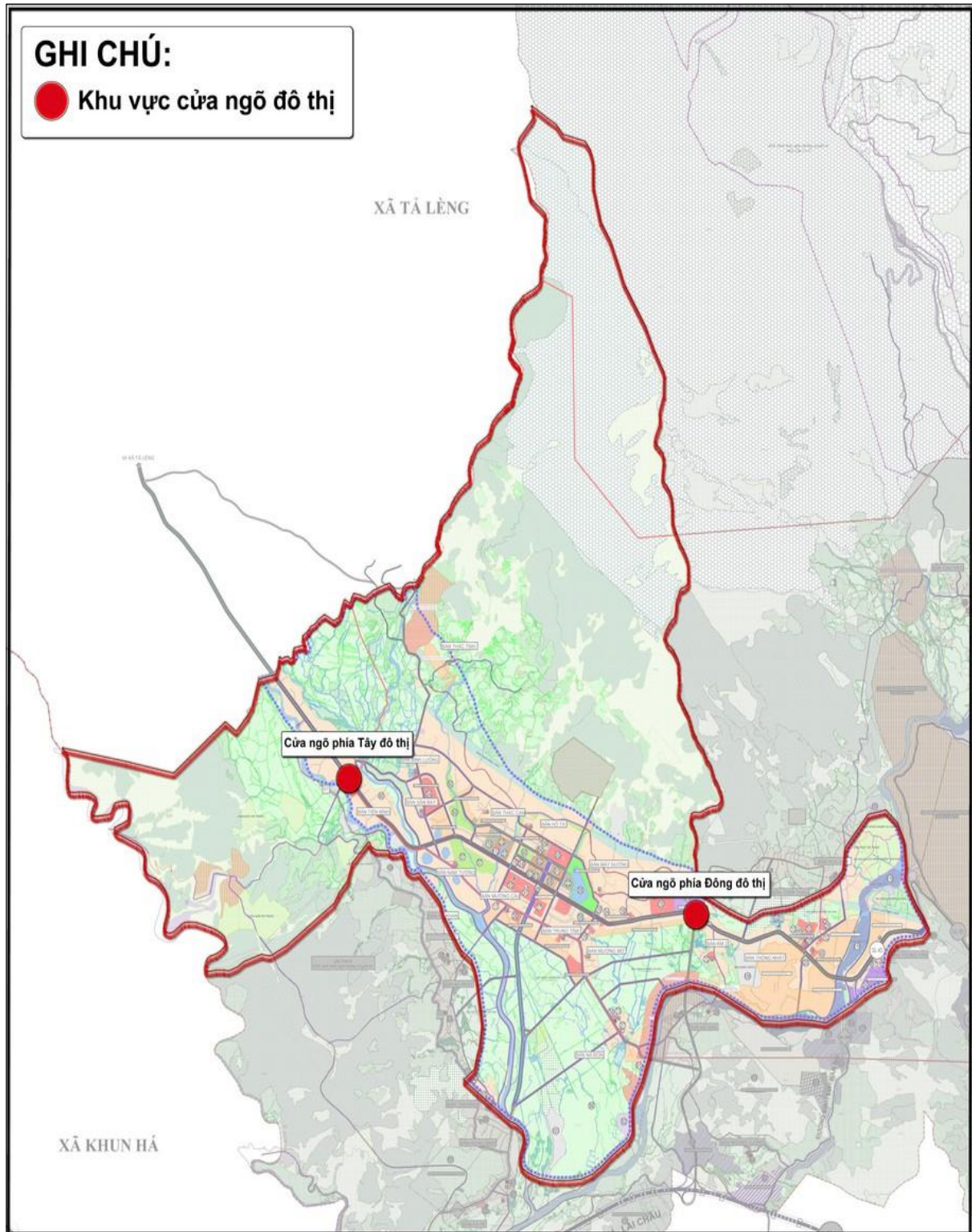
Phụ lục 1.4. Quy định chỉ tiêu kỹ thuật đối với công trình nhà ở riêng lẻ trên các trục đường

STT	Tên Đường	Lộ giới (m)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Cốt nền (m)	Khoảng lùi tối thiểu (m)	Hình thức kiến trúc	Ghi chú
I. Các tuyến đường trục chính								
1	Đường Võ Nguyên Giáp	36	7	27	+0,45	3	Hiện đại	Đường Quốc lộ
2	Đường Trần Phú	15,5	5	20	+0,45	3	Hiện đại	
3	Đường Tác Tình	15,5	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường chính khu vực
4	Đường Trường Chinh	20,5	6	24	+0,45	3	Hiện đại	Đường chính khu vực
5	Đường Nguyễn Văn Linh	15,5	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường khu vực
6	Đường 21/9 (điểm đầu tuyến từ Đường Trần Phú đến đường Trường Chinh)	36	7	27	+0,45	3	Hiện đại	Đường khu vực
7	Đường Lương Định Của	20,5	6	24	+0,45	3	Hiện đại	Đường phân khu vực
II. Các tuyến đường khu vực								
8	Đường Nguyễn Chương	15,5	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường khu vực
9	Đường Thanh Niên	15,5	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường khu vực
10	Đường Lê Quý Đôn	15,5	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường khu vực
11	Đường Nguyễn Hữu Thọ	15,5	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường khu vực
12	Đường Lê Hồng	20,5	5	20	+0,45	3	Hiện	Đường

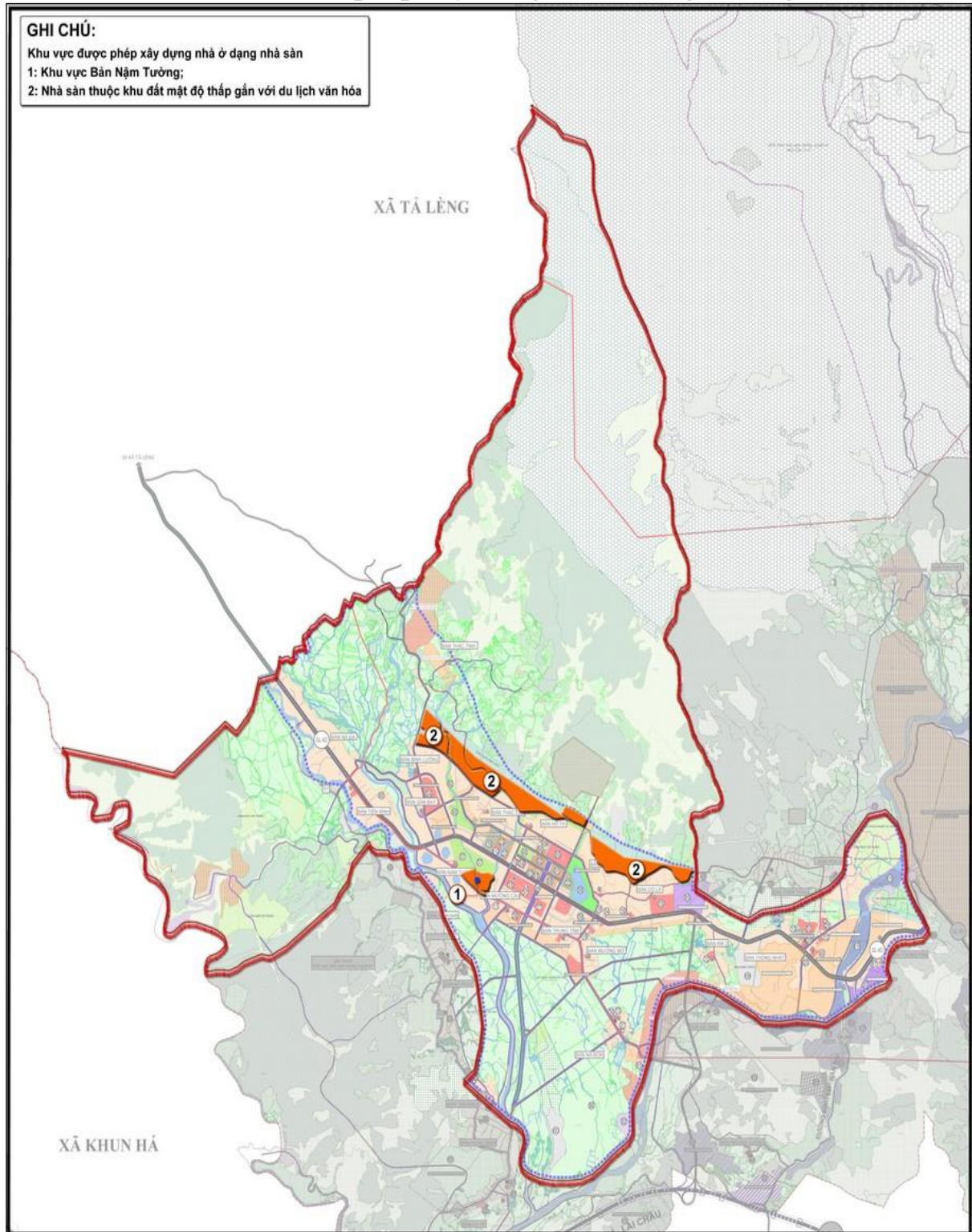
STT	Tên Đường	Lộ giới (m)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Cốt nền (m)	Khoảng lùi tối thiểu (m)	Hình thức kiến trúc	Ghi chú
	Phong						đại	khu vực
13	Đường Bế Văn Đàn	7,0	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường vành đai
14	Đường Vừ A Dính	7,0	5	20	+0,45	3	Hiện đại	Đường vành đai
15	Phố Tô Vĩnh Diện	9,0	5	20	+0,45	0	Hiện đại	
16	Phố Nguyễn Thái Học	11,5	5	20	+0,15	0	Hiện đại	
17	Phố Lê Văn Tám	11,5	5	20	+0,15	0	Hiện đại	
18	Đường Trần Phú (Đoạn tính từ Nút Giao đường Nguyễn Văn Linh - đến nút giao Đường Lương Định Của	15,5	5	20	+0,45	0	Hiện đại	

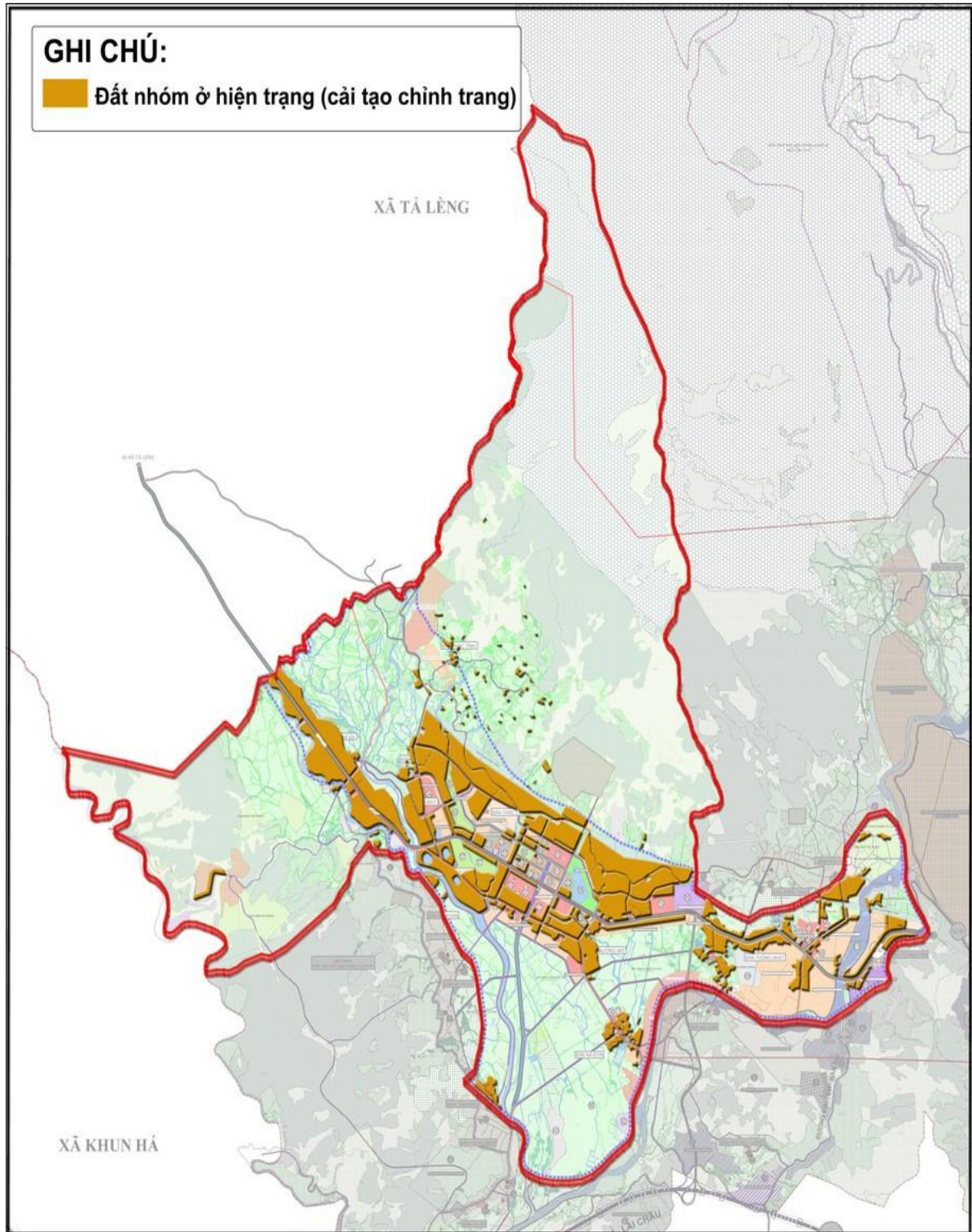
Ghi chú: Trong trường hợp công trình nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị hoặc tương đương thì khoảng lùi, tầng cao phải tuân thủ theo quy định tại hồ sơ được duyệt, nhưng vẫn phải đảm bảo tính thống nhất, thẩm mỹ kiến trúc trên toàn tuyến.

Phụ lục 1.5. Khu vực cửa ngõ đô thị



Phụ lục 1.6. Khu vực được phép xây dựng nhà ở riêng lẻ dạng nhà sàn



Phụ lục 1.7. Khu vực dân cư hiện hữu

Phụ lục 1.8. Khu vực dân cư đô thị mới

